

CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

1. At

- Dùng để chỉ thời gian: at 8 o'clock (vào lúc 8 giờ sáng), at 9 PM (vào lúc 9 giờ tối), at midnight (vào lúc nửa đêm), at noon (vào buổi trưa), at night (vào buổi tối).

VD: I have an appointment with my teacher at 8'clock.

(Tôi có cuộc hẹn với cô giáo vào lúc 8 giờ).

The New Year's Eve party is going to be celebrated at midnight.

(Tiệc chào đón năm mới sẽ được tổ chức vào giữa đêm).

The stars shine at night.

(Ngôi sao tỏa sáng vào ban đêm).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

1. At

- Dùng để chỉ những ngày lễ: at Christmas (vào lễ giáng sinh), at Easter (vào lễ phục sinh).

VD: I received nothing from Santa Claus at Christmas.

(Tôi đã không nhận được gì từ ông già Noel vào giáng sinh).

- Dùng cho các khoảng thời gian trong ngày như: at breakfast time (vào bữa sáng), at lunchtime (vào bữa trưa), at dinnertime (vào bữa tối), at bedtime (vào thời gian đi ngủ).

VD: My father always doesn't talk with anybody at dinnertime.

(Bố tôi luôn luôn không nói chuyện với bất kì ai trong thời gian ăn tối).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

1. At

- Dùng chỉ để thời gian mặt trời mọc và lặn: at sunrise (bình minh), at sunset (hoàng hôn).

VD: We'll be back at the sunset.

(Chúng tôi sẽ trở lại vào hoàng hôn).

- Ngoài ra, "at" còn được dùng để chỉ những thời gian sau: at weekend (cuối tuần), at the moment (ngay thời điểm này), at the present (ngay bây giờ), at the same time (cùng lúc đó).

VD: The pet shop usually close at weekend.

(Cửa hàng thú cưng thường đóng cửa vào cuối tuần).

We finished the work at the same time.

(Chúng tôi hoàn thành công việc vào cùng một thời điểm).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

2. On

- Dùng cho NGÀY: on Saturday (vào thứ Bảy), on her birthday, on Easter day, on Independence Day.

VD: *I will do all my homework on Saturday and Sunday.*

(Tôi sẽ làm toàn bộ bài tập vào thứ Bảy và Chủ nhật).

Lily often goes to church on Christmas day, then she drives to her mom house and they have a dinner together.

(Lily thường đến nhà thờ vào ngày lễ Giáng Sinh, sau đó cô ấy lái xe tới nhà mẹ mình và họ ăn tối cùng nhau).

- Dùng trong cấu trúc

NGÀY + MORNING/AFTERNOON/NIGHT/...

VD: *I met him at swimming pool on Sunday morning.*

(Tôi đã gặp anh ta ở hồ bơi vào sáng Chủ nhật).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

2. On

- Dùng trong cấu trúc ngày kèm theo tháng và năm: on
the 5th of January, on 1 June, on 16 March, 2016.

VD: Okay. I'll be there on the 18th of May.

(Được rồi. Tôi sẽ ở đó vào ngày 18 tháng Năm).

Can you believe it?

I will marry her on 20 April, 2016.

(Bạn tin được không?

Tôi sẽ cưới cô ấy vào ngày 20 tháng 4 năm 2016).



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

3. In

- Sử dụng cho **NĂM**: in 2016, in 1945.

VD: Marry was born in 1990.

(Marry sinh vào năm 1990).

- Sử dụng cho **THÁNG**: in April (vào tháng Tư), in January (vào tháng Giêng), in December (vào tháng Mười Hai).

VD: I am going to fly to London to visit my grandmother in April.

(Tôi sẽ bay tới Lôn Đôn thăm bà của mình vào tháng Tư).

- Sử dụng cho **THẬP KỶ**:

in the fifties (vào những thập kỷ 50),

in the 1970s (vào thập kỷ 70).

VD: We didn't use the cellphone frequently in the fifties.

(Chúng tôi không sử dụng điện thoại thường xuyên vào thập kỷ 50).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

3. In

- Sử dụng cho THẾ KỶ: in the nineteenth century (vào thế kỷ 19), in the 22nd century (vào thế kỷ 22), in the next century (thế kỷ tiếp theo).

VD: People will live in the world of technology in the 23rd century.

(Con người sẽ sống trong thế giới công nghệ vào thế kỷ 23).

Do you think we can travel to Mars in the next century?

(Bạn có nghĩ chúng ta có thể đi du lịch đến sao Hỏa vào thế kỷ tiếp theo không?)

- Sử dụng cho MÙA: in winter/the winter (mùa đông), in summer/the summer (mùa hè), in spring/the spring (mùa xuân), in autumn/in the autumn (mùa thu).

VD: In my city, it isn't very cold in winter.

(Ở thành phố của tôi, mùa đông không hề lạnh).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

3. In

- Ngoài ra “In” còn được dùng cho: in the morning(s) (vào buổi sáng), in the afternoon(s) (vào buổi chiều), in the evening(s) (vào buổi tối), in the past/future (trong quá khứ/ tương lai), in the the Ice Age (vào Kỷ Băng Hà).

VD: In the evening, after dinner, I usually watch television with my older brother.

(Vào buổi tối, sau khi ăn cơm, tôi thường xem tivi với anh trai).

My mom was a singer in the past but now she is a household woman.

(Mẹ tôi là ca sĩ trong quá khứ nhưng bây giờ bà là người phụ nữ nội trợ).

Dinosaurs existed in the ice age.

(Khủng long tồn tại trong thời kì băng hà).

eLight



CÁCH SỬ DỤNG GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN

4. *No preposition*

- Khi sử dụng những từ như “last, next, every, this” chúng ta không dùng “in, on, at”, Tương tự như vậy đối với **today, yesterday, tomorrow**.

VD: You have to clean your room today. It's awful dirty.

(Bạn phải dọn phòng ngay ngày hôm nay.

Nó bẩn kinh khủng).

We sold out of Nike shoes last week.

(Chúng tôi đã bán hết giày Nike vào tuần trước rồi).

eLight

